



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

MỤC LỤC



I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:	
1.	Quá trình hình thành và phát triển	Trang 01
•	38 năm hình thành và phát triển.....	Trang 01
•	Các cột mốc phát triển	Trang 02
•	Văn hóa doanh nghiệp	Trang 03
•	Sản phẩm.....	Trang 03
•	Sứ mệnh và tầm nhìn	Trang 06
•	Giá trị cốt lõi.....	Trang 06
•	Triết lý kinh doanh.....	Trang 07
2.	Các mục tiêu của giai đoạn 2017 – 2021	Trang 07
II.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:	
1.	Cơ cấu tổ chức.....	Trang 08
2.	Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động	Trang 11
a.	Số lượng lao động	Trang 11
b.	Chính sách với người lao động	Trang 12
3.	Công ty thành viên & liên kết.	Trang 13
III.	ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2016 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2017.....	Trang 14
IV.	BÁO CÁO HĐQT & BGD VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016 - ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH 2017.	Trang 16
V.	BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT.	Trang 23
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016.....	Trang 28

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển:

>> 38 năm hình thành và phát triển:



Năm 1978, Thương hiệu Hữu Liên chính thức có mặt trên thị trường với khởi điểm là mô hình hoạt động của một cơ sở sản xuất các loại phụ tùng xe đạp, xe máy như: xích, líp, cãm xe. Thời gian này, đây được xem là một trong những doanh nghiệp hiếm hoi sản xuất dòng sản phẩm này. Chỉ trong vòng 2 năm, quy mô cơ sở sản xuất được mở rộng với hơn 100 nhân viên.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, tổ sản xuất Hữu Liên phát triển mạnh về cả sản lượng và quy mô sản xuất thành Xí nghiệp Tư doanh

Hữu Liên. Đến ngày 4/4/1992, Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên lấy tên là doanh nghiệp Tư nhân Hữu Liên, đồng thời mở rộng phạm vi sản xuất sang các lĩnh vực sản phẩm cơ khí tiêu dùng, cán kéo kim loại đen, sản xuất nhựa, sản xuất ống thép các loại, kinh doanh thương mại mua bán phục vụ sản xuất, đại lý ký gửi các loại hàng hóa.

Vào năm 1999, khi ở Việt Nam bắt đầu xuất hiện những cơ sở sản xuất ống thép thì Hữu Liên Á Châu đã trở thành doanh nghiệp đầu tiên có thể sản xuất ống thép với quy mô công nghiệp. Ngày 20/04/2001 mang một dấu ấn đặc biệt trong quá trình phát triển của Hữu Liên Á Châu khi Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với trụ sở chính đặt tại KE A2/7 Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp.HCM (theo giấy CNĐKKD số 4103000385 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng và 9 cổ đông sáng lập).

Cho đến thời điểm hiện nay, ống thép là sản phẩm chủ lực của Công ty Hữu Liên Á Châu với doanh thu và sản lượng hàng năm của ngành hàng ống chiếm trên 2/3 tổng

doanh thu của nhà máy. Sản phẩm ống thép của Công ty phong phú với các sản phẩm như ống thép tròn, ống oval, ống chữ D, ống vuông. Độ dày thành ống hiện nay của Công ty sản xuất cũng rất đa dạng, từ 0,7mm đến 3,5mm với nhiều quy cách khác nhau tương ứng với các nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Năm 2002, Công ty tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng. Năm 2003, Công ty nâng mức vốn lên 60 tỷ đồng. Đến năm 2004, vốn điều lệ Công ty đã đạt mức 100 tỷ đồng và 140 tỷ năm 2006, năm 2008 nâng lên đến 190 tỷ đồng. Để đáp ứng nhu cầu thị trường và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đến nay vốn điều lệ Công ty được nâng lên đến 344 tỷ đồng. Quá trình xây dựng thương hiệu Hữu Liên được ghi nhận sau hơn 30 năm phát triển. Hữu Liên trở thành thương hiệu có tên tuổi không những trong thị trường Việt Nam mà còn xuất khẩu sang một số các nước như Campuchia, Úc, Đông Âu,...

Sản phẩm ống thép Hữu Liên xuất hiện trên danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố Hồ Chí Minh trong cả hai giai đoạn: năm 2001 đến năm 2005 và năm 2006 đến năm 2009.

>> Các cột mốc phát triển:

2012	Ra mắt sản phẩm mới Ống thép hàn - Loại dày Hữu Liên Á Châu
2011	Hoàn thành giai đoạn 1 quá trình “Tái cấu trúc doanh nghiệp”
2010	- Hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 của nhà máy Ống thép Hữu Liên tại Long An - Hoàn tất quy hoạch chi tiết 1/500 Khu phức hợp dân cư, Thương mại Hữu Liên Á Châu tại Quận Bình Tân
2009	- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Thép Hữu Liên, chuyên sản xuất và kinh doanh ống thép (cả ống thép dân dụng lẫn công nghiệp). - Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu tăng vốn điều lệ lên 328 tỷ đồng
2008	- Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và nhận giải Sao Vàng Đất Việt. - Mở rộng sản phẩm: Đưa ra thị trường sản phẩm ống thép mạ kẽm - Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên chuyển hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và đầu tư tài chính.

2007	- Mở rộng hoạt động kinh doanh - Thành lập Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nội thất và sản phẩm ứng dụng từ ống thép.
2001	Thành lập Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
1995-1996	Xây dựng và đưa vào hoạt động sản xuất dự án sản xuất ống thép tại làng Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM
1990-1992	Chính thức đổi tên Doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên
1988	Thành lập xí nghiệp Tư nhân Hữu Liên
1980-1986	Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên
1978	Hữu Liên khởi đầu là một xưởng nhỏ chuyên sản xuất nan hoa xe đạp

>> Văn hóa doanh nghiệp:

Với quá trình hình thành và phát triển hơn 37 năm, văn hóa doanh nghiệp của Hữu Liên Á Châu luôn mang nét riêng không thể nhầm lẫn, bởi nhiều truyền thống và giá trị tốt đẹp đã được hình thành trong suốt thời gian này, tạo nên bản sắc Hữu Liên - thể hiện qua từng con người, từng gốc cây, mảnh đất... tất cả đều mang trên mình một câu chuyện, một nét đẹp góp phần vào những giá trị bền vững trong từng giai đoạn phát triển của Hữu Liên Á Châu.

Văn hóa Hữu Liên trước hết là sự tin tưởng, gắn bó, hợp tác, hỗ trợ nhau vì hiệu quả của công việc. Hữu Liên Á Châu luôn mong muốn tạo ra một môi trường làm việc thân thiện nhưng cũng giàu sức cạnh tranh nhất cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho mọi người phát triển năng lực, sự nghiệp của mình cùng với sự phát triển của Công ty.

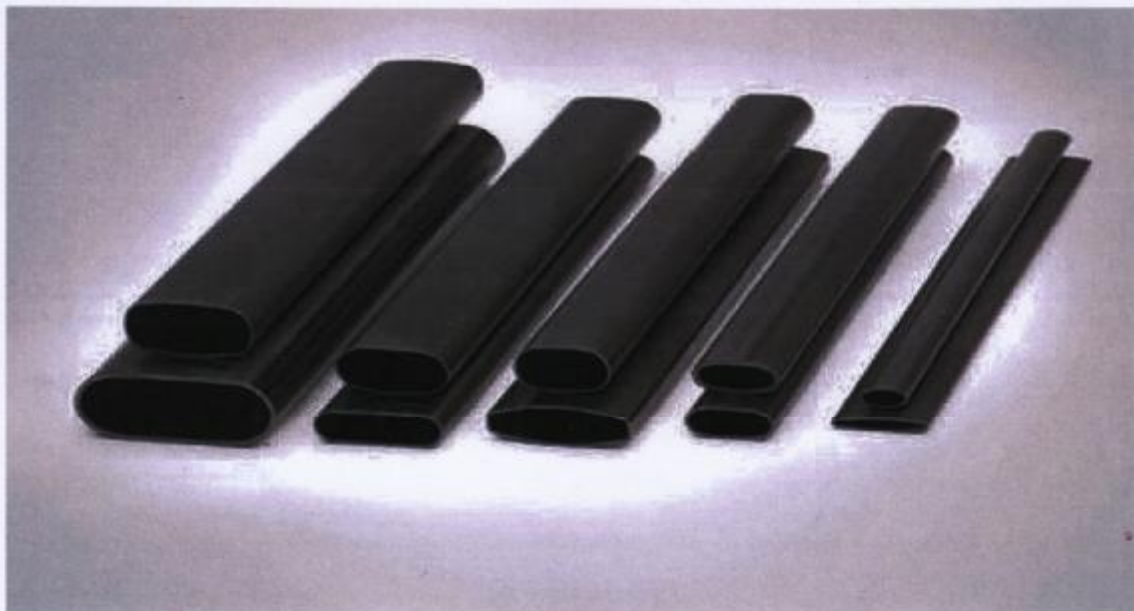
Bên cạnh đó các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ cũng được thường xuyên tổ chức tại Công ty nhằm mang đến đời sống tinh thần phong phú hơn, tạo được sự hứng khởi cho CBCNV trong quá trình làm việc.

>> Sản phẩm:

Nổi tiếng nhờ sản phẩm chất lượng và uy tín trong kinh doanh hơn 37 năm trên thị trường, Hữu Liên Á Châu hiện có các sản phẩm sau:

HÌNH ẢNH SẢN PHẨM





Thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO, dây chuyền công nghệ hiện đại và đội ngũ công nhân có tay nghề cao, Hữu Liên Á Châu cam kết mang đến cho khách hàng, những sản phẩm chất lượng tốt nhất, đúng và đạt tiêu chuẩn quy định của Việt Nam và Quốc Tế:

- Sản phẩm của Hữu Liên có màu sắc đồng đều, đường nét, góc cạnh thẳng, sắc sảo, vuông vức hoặc tròn đều.
- Sai số kích thước ống 0.2mm, đúng bề dày, đúng trọng lượng, đúng theo tiêu chuẩn công bố, sai số trong phạm vi $\pm 5\%$
- Luôn có in tên logo thương hiệu cùng quy cách sản phẩm trên thân ống. Độ co giãn, bề uốn rất tốt trong các ứng dụng sản xuất các sản phẩm đòi hỏi tính mỹ thuật, kỹ thuật, chính xác cao.
- Sản phẩm khi xuất xưởng luôn có giấy chứng nhận xuất xưởng của Công ty đính kèm, đó là cơ sở bảo chứng uy tín của các nhà thầu sử dụng đúng sản phẩm của Hữu Liên Á Châu cũng như chất lượng công trình khi sử dụng sản phẩm thương hiệu chất lượng.
- Sản phẩm được chỉ định trong các công trình trọng điểm của Quốc gia như: Cảng Chân Mây, Sân Bay, Kênh Nhiêu Lộc, Cầu Rạch Chiếc...

Với lợi thế là một thương hiệu hàng đầu, Hữu Liên Á Châu luôn đảm bảo nguồn hàng cung ứng liên tục, đa dạng đáp ứng tốt nhất tất cả các yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và tận tâm.

Sản phẩm của Hữu Liên Á Châu hiện đã được xuất khẩu sang các Quốc gia: Mỹ, Úc, Myanmar, Singapore, Philippines, Campuchia, Lào, Thái Lan...

>> **Sứ mệnh và tầm nhìn:**

SỨ MỆNH:

Mang đến sự hài lòng cho các đối tác, cộng sự với sự trân trọng của tình bằng hữu thông qua việc thực hiện những cam kết trong kinh doanh.

TẦM NHÌN:

Gia nhập hàng ngũ 100 thương hiệu hàng đầu thế giới và trở thành tập đoàn kinh doanh chuyên ngành thép hàng đầu tại Việt Nam.

>> **Giá trị cốt lõi:**

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hài lòng đối tác:

- Tôn trọng và hợp tác đôi bên cùng có lợi
- Chăm sóc và đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng.

Giữ gìn uy tín:

- Trung thực và giữ lời hứa với khách hàng

Tinh thần đồng đội

- Trách nhiệm, hỗ trợ và cởi mở trong quan hệ với đồng nghiệp

Hiệu quả công việc:

- Lấy hiệu quả công việc làm thước đo trong mọi hoạt động.

>> **Triết lý kinh doanh:**

Mỗi khách hàng, mỗi cộng sự là một bằng hữu; và mỗi sản phẩm là một lời cam kết giá trị, Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu luôn tiếp tục phát huy nội lực và vị thế hiện tại để giữ vững cam kết và làm hài lòng các bằng hữu của mình.

>> **Định hướng phát triển:**

Hiện nay thương hiệu Ống thép Hữu Liên đã nổi tiếng trên thị trường nội địa, cần đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, mở rộng thị phần ở thị trường nước ngoài để tăng sản lượng, doanh thu, nhất là ở các thị trường mới phát triển để chiếm vị trí tiên phong.

Bên cạnh đó, trong nước, cần tập trung ổn định hoạt động sản xuất, chú trọng chất lượng, giữ vững thị phần và vị thế thương hiệu. Phát triển hoạt động mua bán các sản phẩm thương mại để tối ưu hóa quy trình sản xuất và đưa sản phẩm ra thị trường.

2. Các mục tiêu của giai đoạn 2017 – 2021:

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH:

- Hữu Liên Á Châu nằm trong nhóm 10 thương hiệu hàng đầu của ngành thép Việt Nam
- Gia tăng sản lượng sản xuất nhằm đưa Hữu Liên Á Châu là thương hiệu dẫn đầu trong phân khúc thị trường ống thép.
- Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các khu vực Đông Nam Á (Lào, Campuchia, Myanmar...) và các nước thuộc khu vực khác.
- Tập trung phát triển các dòng sản phẩm ống thép mạ kẽm và ống thép áp lực.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẾN 2021:

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng Quản trị đã đề ra kế hoạch Kinh doanh đến năm 2021 cụ thể như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu thuần	829	897	970	1051	1138
Lợi nhuận sau thuế	0	0	0	14	23
Chia cổ tức	0%	0%	0%	0%	0%

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu tổ chức

>> Đại hội đồng cổ đông:

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được luật pháp và điều lệ công ty quy định.

>> Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm.



ÔNG TRẦN XẢO CƠ - Chủ Tịch HĐQT

>> Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Ban kiểm soát có 3 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.



ÔNG KHUU KIM HÒA
Trưởng Ban Kiểm Soát



ÔNG LÊ ANH HẢI
Thành viên Ban Kiểm soát

>> Ban Giám Đốc:

- Bao gồm Tổng Giám Đốc và Giám Đốc Điều Hành
- Giám Đốc do hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



ÔNG TRẦN TUẤN NGHIỆP

Tổng Giám Đốc



ÔNG BÙI QUANG HIỆP

Giám Đốc Điều Hành

>> Khối Kinh doanh:

- Xây dựng và phát triển hệ thống kinh doanh các sản phẩm
- Duy trì và phát triển thị trường xuất khẩu, góp phần xây dựng và khẳng định thương hiệu sản phẩm của Công ty.
- Thực hiện các chiến lược tiêu thụ sản phẩm, chính sách giá cả, nhằm đạt mục tiêu Ban Giám Đốc đề ra.

>> Khối sản xuất kỹ thuật:

- Lập kế hoạch, tổ chức triển khai sản xuất đáp ứng yêu cầu Kinh doanh của Công ty trong từng thời điểm nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.
- Bảo đảm quá trình sản xuất nằm trong kiểm soát của hệ thống quản lý chất lượng.
- Bảo đảm chất lượng sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn.
- Đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng hoạt động tốt và đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất ý kiến với Ban Giám Đốc về các biện pháp cải tiến hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Thiết kế sản phẩm theo yêu cầu khách hàng, chế tạo, phát triển sản phẩm
- Thiết kế các công cụ, khuôn gá phục vụ cho hoạt động sản xuất.
- Giám sát và điều hành thực hiện nội quy an toàn lao động, biên chế cấp bậc kỹ thuật.

>> Khối Tài chính - Kế toán:

- Các công việc liên quan đến công tác tính giá thành, hạch toán, phân bổ chi phí; thực hiện các chức năng quản lý tài chính theo quy định; thiết lập và lưu trữ hồ sơ; cung cấp số liệu cho các bộ phận và các cơ quan chức năng.

>> Phòng Nhân sự hành chính & Công nghệ thông tin:

- Giải quyết các vấn đề về nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, phát triển nhân viên; phụ trách lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho công nhân viên Công ty. Quản lý công tác hành chính, văn thư lưu trữ.

>> Phòng Thu mua:

- Chịu trách nhiệm tìm kiếm, thu mua các nguyên vật liệu, vật tư cần thiết một cách hiệu quả nhất, đáp ứng nhu cầu phát sinh thực tế của các phòng ban, bộ phận trong công ty.
- Thực hiện các thủ tục, công tác liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu Công ty.

>> Phòng đối ngoại truyền thông:

- Chịu trách nhiệm đối ngoại và truyền thông nội bộ, quản lý thương hiệu, quản lý các hoạt động marketing và quan hệ cổ đông của Công ty.

2. Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động:

>> Số lượng lao động:

Tình hình đến 30/09/2016, số lượng người lao động trong công ty là 36 người, trong đó nữ chiếm 19 người.

- Mức lương bình quân:
 - o Năm 2015 là 8,700,000 đồng/tháng.
 - o Năm 2016 là 10,302,000 đồng/tháng.
- Cơ cấu lao động của Công ty được phân như sau:
 - o Đại học và trên đại học : 10 lao động
 - o Trung cấp nghề, cao đẳng : 06 lao động
 - o Lao động phổ thông : 16 lao động

>> Chính sách với người lao động:

a. Chính sách lương và phụ cấp:

Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:

- Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo quy định của Luật lao động.
- Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo quy định của Luật lao động Việt Nam.
- Chế độ nâng lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiền công được tiến hành vào tháng 03 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ, phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại, trợ cấp tiền cơm...

b. Chính sách khen thưởng

Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật...

c. Bảo hiểm và phúc lợi:

Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của nhân viên theo luật định.

Làm việc tại Hữu Liên Á Châu, người lao động luôn nhận được sự quan tâm chia sẻ vì không đơn thuần là lương, là nghề nghiệp mà còn có cơ hội học tập, đào tạo và phúc lợi cho chính gia đình người lao động.

d. Chính sách đào tạo:

Công ty mong muốn xây dựng một hệ thống quản lý chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất nên công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động là hết sức cần thiết.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau:

- Đào tạo nội bộ thông qua việc mời các chuyên gia đến để đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khóa đào tạo lại bên ngoài.
 - Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề nhằm tạo dựng môi trường làm việc lý tưởng cho người lao động.
 - Hướng người lao động đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp có tác động tích cực đến hoạt động của Công ty.
- e. Chế độ nghỉ phép, lễ, tết: Công ty thực hiện theo quy định.
- f. Tổ chức Công Đoàn:
- Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo luật công đoàn và các luật liên quan khác.
- g. Chính sách nhân sự:
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện
 - Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên
 - Thu hút nhân tài
 - Chính sách thu nhập cạnh tranh
 - Khen thưởng công bằng

3. Công ty liên kết:



>> **Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên**

- Địa chỉ trụ sở chính: R1 – 49 Hưng Phước 4, PHM Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, Q. 7, Tp.HCM.
- GP ĐKKD: Số 4103007675 Sở KH & Đầu

tư TpHCM cấp ngày 30/08/2007.

- Vốn góp của HLA 30,68%
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn Minh – Giám Đốc Công ty.
- Website chính thức: www.minghuulien.com

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016.

Tình hình kinh tế năm 2016 thực tế không như nhận định, nền kinh tế vẫn chưa có tín hiệu khả quan, bình thường các năm, thì cuối năm là thời điểm giá cả có xu hướng tăng, nhu cầu mua tăng, nhưng trong năm nay, kinh tế toàn cầu suy thoái, thị trường nội địa sụt giảm, các ngành bất động sản, xây dựng, trang trí nội thất, xe máy, vận tải biển... là các ngành sử dụng đầu ra sản phẩm của HLA đều bị ảnh hưởng nặng nề. Song song đó là sự cạnh tranh sinh tồn khốc liệt trên thị trường thép, giảm giá, dẫn đến giảm sản lượng, doanh thu giảm.

Bên cạnh đó, biến động giá nguyên liệu phức tạp hơn hẳn các năm, thay vì đến chu kỳ giá tăng giá phục vụ nhu cầu cuối năm, nhưng năm nay giá biến động càng đi về gần cuối năm càng giảm, nên xuất hiện lỗ do mua giá cao, bán giá thấp đây là một trong những nguyên nhân lớn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đồng thời, cán cân nợ quá lớn, trong tình hình kinh tế hiện nay, lợi nhuận doanh nghiệp bị giảm sút ảnh hưởng đến vòng quay của dòng tiền, doanh nghiệp phải chấp nhận luân chuyển hàng hóa, xử lý hàng tồn kho để giải quyết chi phí tài chính, đảm bảo vòng quay tín dụng.

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2016	TH 2016 / KH 2016
1	Doanh thu thuần	336,00	45,61	13.57%
2	Lợi nhuận sau thuế	0	(415,97)	
	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	Chi cổ tức bằng tiền mặt		-	0%
	Quỹ khen thưởng		-	0%
	Quỹ phúc lợi		-	0%
	Thưởng cho HĐQT			
	Quỹ phát triển sản xuất			
	Quỹ dự phòng tài chính		-	0%

2. Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 2017.

Triển khai các hoạt động tái cấu trúc triệt để hướng tới hoạt động kinh doanh 2017 hiệu quả hơn bằng các biện pháp như sau:

- a. Tái cơ cấu công ty nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh:
 - Tinh giảm bộ máy gián tiếp
 - Cải tiến kỹ thuật ở khâu sản xuất
 - Tích cực cải tiến quy trình bán hàng, điều chỉnh giảm các khoản công nợ tránh đọng vốn ở khâu kinh doanh.
 - Tối ưu hóa hàng tồn kho
- b. Gián tiếp giảm chi phí tài chính:
Dự báo năm 2017 tiếp tục khó khăn, vì vậy mục tiêu doanh nghiệp là duy trì khoản thu nhập để trả chi phí tài chính.
- c. Tăng sản lượng.
 - Tăng sản lượng bằng cách tiết giảm vốn nằm trong quy trình sản xuất
 - Cơ cấu lại dòng sản phẩm sinh lời cao, đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay
 - Tăng vòng quay vốn bằng cách tăng vòng quay sản xuất
 - Giữ vững thị trường xuất khẩu chiến lược của Công ty cũng như thị trường nội địa.

3. Kế hoạch sản xuất và lợi nhuận năm 2017 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2017
1	Doanh thu thuần	829
2	Lợi nhuận trước thuế	0
3	Nộp ngân sách nhà nước	0
4	Lợi nhuận sau thuế	0
5	Kế hoạch phân phối lợi nhuận	0
5.1	Chi cổ tức bằng tiền mặt	0
5.2	Quỹ khen thưởng	0
5.3	Quỹ phúc lợi	0
5.4	Thưởng cho HĐQT	0
5.5	Quỹ phát triển sản xuất	0
5.6	Quỹ dự phòng tài chính	0

IV. BÁO CÁO HĐQT & BGD VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2016

1. Báo cáo Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2016:

> PHẦN 1:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2016:

Năm 2016, tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp. Bên cạnh đó, các yếu tố nội tại cũng chưa được giải quyết triệt để như hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, nợ xấu ngân hàng đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể...

Năm qua vẫn là một năm còn nhiều khó khăn đối với ngành thép. Các doanh nghiệp trong ngành không chỉ chịu áp lực cạnh tranh lớn khi phải chống đỡ với hàng nhập khẩu giá rẻ Trung Quốc tràn vào. Các doanh nghiệp ngành Thép trong năm 2016 đều bị ảnh hưởng nặng nề từ sự bất ổn của nền kinh tế trong nước, nhu cầu tiêu thụ thép trong nước rất thấp; Các doanh nghiệp ngành thép cạnh tranh gay gắt về thị trường, về giá bán nên dẫn đến thị trường thép trong nước đầy bất ổn. Bên cạnh đó trong năm 2016 nhiều doanh nghiệp thép hoạt động kinh doanh không hiệu quả, do phải sản xuất cầm chừng để duy trì hoạt động, nhằm củng cố nội lực vượt qua khó khăn.

Trong năm 2016, hoạt động sản xuất của Công ty gặp nhiều khó khăn do tình hình khủng hoảng chung của nền kinh tế, Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc để thực hiện các giải pháp nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện các biện pháp như sau: Tăng cường chủ động các nguyên vật liệu đầu vào, cải tiến công tác lập kế hoạch sản xuất, đặc biệt là kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu, kiểm soát tốt chi phí đầu vào, giảm giá thành nhằm tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả hoạt động Công ty. tập trung củng cố thị phần trong nước và xuất khẩu để Công ty CP Hữu Liên Á Châu vượt qua giai đoạn khó khăn.

Hội đồng quản trị xin báo cáo như sau:

1. Trong năm qua công tác “Tái cấu trúc lại hoạt động của Công ty” đã được Ban Giám đốc triển khai phối hợp chặt chẽ với các phòng ban của Công ty. Đồng thời tuân thủ việc thực hiện các mục tiêu ưu tiên mà kế hoạch đã đề ra, kiểm soát các qui định nội bộ về quản trị rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính và rủi ro thị trường nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ở mức độ cho phép.
2. Trong năm 2016, tình hình kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, thị trường tín dụng trong nước vẫn duy trì thắt chặt, thị trường tài chính trong nước chưa có dấu hiệu phục hồi. Chính sự bất ổn của nền kinh tế đã ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch tìm kiếm nguồn vốn nhằm bổ sung vào nguồn vốn lưu động của Công ty để khắc phục tình trạng mất cân đối nguồn vốn hoạt động trong hiện tại.
3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2016 (giai đoạn từ 01/10/2015 đến 30/9/2016)

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2016	TH 2016 / KH 2016
1	Doanh thu thuần	336,00	45,61	13.57%
2	Lợi nhuận sau thuế	0	(415,97)	

➤ **PHẦN 2:**

**PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM TÀI CHÍNH 2017 (GIAI ĐOẠN 01/10/2016 ĐẾN 30/9/2017):**

Năm 2017 nền kinh tế Việt Nam được đánh giá khó khăn hơn năm 2016, tiềm ẩn nhiều rủi ro, do các khó khăn của năm 2016 vẫn chưa được giải quyết và có khả năng vẫn tiếp tục kéo dài trong năm tới, thậm chí có thể chi phối những năm kế tiếp. Năm 2017 dự đoán sẽ tiếp tục khó khăn với ngành thép, khi bên cạnh nguy cơ thép nhập khẩu giá cả không ổn định, còn có những thách thức đến từ các biện pháp phòng vệ thương mại từ thị trường xuất khẩu.

Trước nhận định về nền kinh tế Việt Nam như trên, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu vẫn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các tác động của nền kinh tế Việt Nam, cụ thể:

- Các yếu tố liên quan đến sức tiêu thụ của thị trường, tình hình lạm phát, bất ổn tỷ giá ngoại tệ cũng là yếu tố làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty.
- Ngoài ra các yếu tố đầu vào của giá thành đang có khuynh hướng tăng: giá điện, giá nước, chi phí tiền lương... làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của Công ty.

Căn cứ vào đánh giá tình hình nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thận trọng đề ra phương hướng và nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính 2017 (giai đoạn 01/10/2016 đến 30/9/2017) như sau:

1. Tiếp tục duy trì thực hiện công tác “Tái cấu trúc lại hoạt động Công ty” trong năm tài chính 2017.
2. Kế hoạch kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2017 (giai đoạn 01/10/2016 đến 30/9/2017):

Năm 2017 là năm Công ty tái cấu trúc lại nguồn vốn, vì vậy Doanh số dự kiến là 120 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế là 0 tỷ đồng.

➤ PHẦN 3:

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2017

Căn cứ vào dự báo tình hình khó khăn và đầy thách thức của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2017. Để thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2017, Ban Giám đốc đã cân trọng, xây dựng và đề ra những biện pháp sau:

- Ban Giám đốc Công ty sẽ thường xuyên duy trì việc phối hợp chặt chẽ với các phòng Kiểm soát nội bộ, phòng Tài chính kế toán để thực hiện quản trị rủi ro nhằm đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời.
- Tập trung vào kiểm soát các rủi ro về qui trình hoạt động, rủi ro về tài chính, rủi ro về thị trường nhằm đảm bảo Công ty được kiểm soát chặt chẽ về tài chính, kế toán, kinh

doanh để đạt được các mục tiêu đã đề ra; đạt hiệu quả, hiệu suất hoạt động; và tuân thủ các qui định pháp luật, các qui định nội bộ.

- Xây dựng các kịch bản ứng phó kịp thời với tình hình biến động về tỷ giá, về lãi suất cho vay, về giá của nguyên liệu đầu vào, khả năng thanh toán của các khách hàng, biến động của thị trường và đồng thời củng cố nội lực tài chính, xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng của Công ty nhằm đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả tối ưu nhất.

➤ **PHẦN 4:**

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ NỘI BỘ TRONG NĂM 2017

Ban Giám đốc Công ty xây dựng các mục tiêu, các kế hoạch hành động quản trị nội bộ trong Năm tài chính 2017, cụ thể:

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty:

- Tập trung kiểm soát cơ cấu sản lượng của từng nhóm sản phẩm bán ra theo kế hoạch, nhằm đảm bảo đạt hiệu quả về lợi nhuận kinh doanh theo kế hoạch.
- Tập trung kiểm soát công tác cơ cấu tuổi nợ, thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để giảm áp lực tài chính của Công ty.
- Chú trọng kiểm soát tốt công tác dự báo bán hàng để quản lý hiệu quả hàng tồn kho nhằm chủ động nguồn vốn của Công ty và hiệu quả trong việc sử dụng vốn vay tránh áp lực về chi phí tài chính.
- Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự và hành chính.
- Quản lý tốt hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hóa giá thấp và chất lượng tốt.
- Củng cố thị phần trong nước và xuất khẩu sang các nước Đông Nam Á (Lào, Myanmar, Campuchia, Thái Lan).

2. Nâng cao hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

- Cải tiến, tiếp tục vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh và tài chính.
- Đào tạo, cập nhật bồi dưỡng kiến thức và nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa các vị trí nhân sự chủ chốt nhằm đảm bảo tính hoạt động liên tục.

➤ **PHẦN 5:**

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 5 NĂM (TỪ NĂM 2017 ĐẾN NĂM 2021)

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra phương hướng và kế hoạch phát triển của Công ty cho 5 năm tới (từ năm 2017 đến 2021), cụ thể:

1. Định hướng kinh doanh:

- Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực của Công ty nhằm mở rộng kinh doanh trong phân khúc thị trường ống thép.
- Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á (Lào, Myanmar, Campuchia,...) và các nước thuộc khu vực khác;

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2021:

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu đến năm 2021, cụ thể:

ĐVT: Tỷ VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021
Tổng doanh thu thuần	829	897	970	1051	1138
Lợi nhuận sau thuế	0	0	0	14	23

2. Báo cáo Ban Giám Đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2016:

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2016 (GIAI ĐOẠN 01/10/2015 ĐẾN 30/9/2016):

Năm 2016, kinh tế Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn vô cùng khó khăn, thị trường hàng hóa thì đang trong giai đoạn “giảm phát” nặng nề, tồn kho hàng hóa vẫn ở mức cao, trong khi nhu cầu tiêu thụ ở mức thấp. Ngành thép Việt Nam trong năm có nhiều diễn biến phức tạp và đa số các doanh nghiệp ngành thép trong nước đều bị ảnh hưởng; Các doanh nghiệp sản xuất thép chỉ hoạt động sản xuất ở mức độ cầm chừng khoảng 20 – 30% công suất để duy trì hoạt động và cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn;

Sau đây là kết quả hoạt động của năm tài chính 2016 của Công ty CP Hữu Liên Á Châu:

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2016	THỰC HIỆN / KẾ HOẠCH
1	Doanh thu thuần	336,00	45,61	13.57%
2	Lợi nhuận sau thuế	0	(415,97)	

B. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2016:

Trong năm 2016, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty CP Hữu Liên Á Châu đã triển khai các giải pháp quản trị nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh; kiểm soát và tiết giảm chi phí, phát triển nguồn nhân lực, cụ thể:

- Thực hiện tốt công tác đào tạo để nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.
- Kiểm soát và quản lý hiệu quả chi phí hoạt động thông qua việc tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và cắt giảm tối đa chi phí nhân sự hành chính so với kế hoạch đã đề ra.
- Năm 2016 Công ty đã tập trung cố gắng giữ thị phần bán hàng trong nước và cùng cố thị phần xuất khẩu các sản phẩm thép.

C. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2017 (GIAI ĐOẠN TỪ 01/10/2016 ĐẾN 30/9/2017):

Năm 2017 được dự báo là một năm đầy triển vọng, và cũng đầy thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam.

Căn cứ vào năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu, Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng xem xét các cơ hội; các yếu tố rủi ro trong việc xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính 2017 như sau:

1. Về kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2017 (giai đoạn từ 01/10/2016 đến 30/09/2017):

Năm 2017 là năm Công ty tái cấu trúc lại nguồn vốn, vì vậy Doanh số dự kiến là 120 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế là 0 đồng.

2. Kế hoạch hành động và giải pháp cần thiết để hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm tài chính 2017, như sau:

a. Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Tập trung kiểm soát hệ thống phân phối và cấu trúc các dòng sản phẩm chủ lực bán ra đúng tỷ trọng kế hoạch đã xây dựng; nhằm đảm bảo đạt hiệu quả về lợi nhuận kinh doanh.
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí tài chính bằng cách thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để đảm bảo dòng tiền ổn định và giảm áp lực tài chính của Công ty.
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự hành chính tối đa.
- Tập trung quản lý tốt các hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu, hàng hóa giá thấp và chất lượng.
- Củng cố các thị phần bán hàng trong và ngoài nước.

b. Cải tiến hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

- Tiếp tục vận hành và cải tiến các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh, cung ứng và tài chính... nhằm quản lý Công ty hiệu quả và chuyên nghiệp.

V. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT.

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu. Định kỳ, Ban kiểm soát đã tiến hành giám sát quá trình hoạt động của Công ty trong năm qua với các nội dung sau:

- Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty;
- Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2016;
- Kết quả kiểm tra báo cáo tài chính năm 2016;
- Kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát trong năm 2017;

A. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2016 được xem là năm vô cùng khó khăn đối với doanh nghiệp ngành Thép, rất nhiều các nhà máy sản xuất thép phải cắt giảm sản lượng, sản xuất ở mức độ 30% công suất để duy trì hoạt động. Bên cạnh đó, tình trạng cung lớn hơn cầu luôn là vấn đề hóc búa, tồn tại trong một thời gian dài đối với ngành thép làm cho mức độ cạnh tranh về giá bán của ngành này khá lớn.

Ngoài ra trong năm do thị trường bất động sản vẫn còn đóng băng, đầu tư công cắt giảm khiến nhu cầu thép giảm sút mạnh. Đặc biệt, trong năm 2016, giá bán thép đã giảm xuống thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây, trong khi đó giá cả nguyên liệu đầu vào cho sản xuất thép như điện, gas, xăng dầu... không ổn định khiến các doanh nghiệp gặp thêm nhiều khó khăn trong việc đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Trước tình hình trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thường xuyên họp định kỳ để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp và các giải pháp ứng phó với khó khăn để Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị là trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu.

II. Hoạt động của Ban Giám đốc:

Năm 2016, hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn do chi phí đầu vào tăng cao, tín dụng thắt chặt và thị trường tiêu thụ giảm nhiều so với các năm. Ban Giám đốc với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty một cách đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty.

Trong năm, Ban Giám đốc đã thường xuyên chỉ đạo cán bộ, công nhân viên Công ty để vượt qua khó khăn, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí phân phối và chi phí hoạt động nhằm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Tích cực thực hiện Công tác tái cấu trúc các dòng sản phẩm, cơ cấu tuổi nợ và cơ cấu nguồn vốn nhằm cải thiện và tiết giảm chi phí tài chính.

B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2016

I. Kết quả kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh của năm tài chính 2016 (giai đoạn 01/10/2015 đến 30/09/2016) như sau:

1. Thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm tài chính 2016:

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Các khoản chi phí, khoản trích dự phòng và khoản nợ khó đòi được ghi nhận theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ban kiểm soát đã làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập, qua đó thống nhất kết quả kiểm toán năm tài chính 2016 và đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của Công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán 2016.

Ban kiểm soát xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận của năm tài chính 2016 như sau:

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2016	TH 2016 / KH 2016
1	Doanh thu thuần	336,00	45,61	13.57%
2	Lợi nhuận sau thuế	0	(415,97)	

2. Tình hình tài chính của Công ty CP Hữu Liên Á Châu tại thời điểm ngày 30/09/2016:

ĐVT: Tỷ VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	30/09/2015	30/09/2016	TĂNG (+) / GIẢM (-)
A.	TỔNG TÀI SẢN	747,98	484,48	(263,51)
I.	Tài sản ngắn hạn	460,20	231,79	(228,42)
	<i>Trong đó:</i>			
1	Phải thu khách hàng	593,53	580,87	(12,66)
2	Trả trước cho người bán	0,50	0,12	(0,38)
3	Hàng tồn kho	13,37	12,81	(0,56)
II.	Tài sản dài hạn	287,78	252,69	(35,09)
B.	TỔNG NGUỒN VỐN	747,98	484,48	(263,51)
I.	Nợ phải trả	1.302,60	1.455,06	152,47
	<i>Trong đó:</i>			
1	Nợ ngắn hạn	1.299,39	1.451,66	152,27
2	Nợ dài hạn	3,21	3,41	0,20

II.	Nguồn vốn chủ sở hữu	(554,62)	(970,59)	(415,97)
III.	Lợi ích của cổ đông theo thiểu số	-	-	-

3. Về kết quả phân phối lợi nhuận và chia cổ tức cho năm tài chính 2016:

ĐVT:Tỷ VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
1	Lợi nhuận sau thuế	0	(415,97)
2.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận		
	+ Chi cổ tức bằng tiền		-
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ khen thưởng:		-
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ phúc lợi:		-
	+ Phần còn lại bổ sung Quỹ dự phòng tài chính		-

4. Về thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính 2016:

Công ty đã thực hiện việc chi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 cụ thể:

ĐVT: VNĐ / Năm

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
Thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát	0	0
Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát	0	0
TỔNG CỘNG	0	0

C. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2017, dự báo tình hình kinh tế Việt Nam có triển vọng hơn năm 2016, nhưng cũng nhiều thách thức và tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn.

Trên cơ sở nhận định này, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục duy trì thực hiện công tác “Tái cấu trúc lại hoạt động Công ty”
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự hành chính tối đa.
- Tăng cường quản trị đầu vào giúp Công ty kiểm soát được nguồn mua nguyên liệu, chất lượng nguyên liệu để đảm bảo sản xuất và giảm tiêu hao.

D. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2017:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt các cổ đông nhằm kiểm soát tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm tài chính 2017 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 30/09/2017), Ban kiểm soát sẽ tiến hành các công việc cụ thể theo kế hoạch sau:

1. Quý I (từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016):

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý 1 của năm tài chính 2017 (từ ngày 01/10 đến 31/12/2016).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 1 năm tài chính 2017.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 1 năm 2017 nhằm đảm bảo các khoản chi phí sử dụng đúng mục đích và kế hoạch đề ra.

2. Quý II (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017):

- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ cũng như nội quy, quy chế, quy định của Công ty.
- Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 2 năm tài chính 2017 (từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017).
- Và tổng kết 6 tháng đầu năm 2017 (từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/03/2017).

- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 2 năm tài chính 2017.

- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 2 năm tài chính 2017.

3. Quý III (từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017):

- Tham gia làm việc với Công ty kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/03/2017). Xem xét báo cáo soát xét, thư quản lý do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kiểm tra việc khắc phục các sai sót.

- Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 3 năm tài chính 2017 (từ ngày 01/04/2017 đến 30/06/2017).

- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 3 năm tài chính 2017.

- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 3 năm tài chính 2017.

4. Quý IV (từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2017):

- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ cũng như nội quy, quy chế, quy định của Công ty.

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính của Quý 4 năm tài chính 2017 (từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017).

- Và tổng kết năm tài chính 2017 (từ ngày 01/10/2016 đến ngày 30/09/2017).

- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Quý 4 năm tài chính 2017.

- Kiểm tra và đánh giá các mức chi phí của Quý 4 năm tài chính 2017.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016

SCAN BÁO CÁO KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016*



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Thành viên
Ông Phan Văn Dũng	Thành viên
Ông Bùi Quang Hiệp	Thành viên
Bà Lê Thị Hương Giang	Thành viên
Ông Khuu Kim Hòa	Trưởng BKS
Ông Lê Anh Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Hiệp	Giám đốc điều hành
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc sản xuất
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Giám đốc tài chính

3. Các hoạt động chính

- Sản xuất sản phẩm cơ khí. Cán kẻo kim loại.

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/9/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 28.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Trần Xảo Cơ

Chủ tịch HĐQT

Ngày 19 tháng 12 năm 2016

22008
CÔNG TY
NHẬN
EM TOA
DFK
CT NA
TR V

348
TY
IN
EM
JU
10



Số: 084/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu, được lập ngày 19 tháng 12 năm 2016, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/9/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu tại ngày 30/9/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như đã nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo về tình hoạt động liên tục của Công ty. Do đến thời điểm 30/9/2016, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty bị âm 970.589.168.022 đồng và nợ phải trả đã vượt quá tổng tài sản với cùng số tiền là 970.589.168.022 đồng. Điều này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn, trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các báo cáo tài chính đính kèm theo báo cáo này không bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện nêu trên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0182-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Lê Đình Huyền".

LÊ ĐÌNH HUYỀN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1756-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016	01/10/2015
A. Tài sản ngắn hạn	100		231.785.089.225	460.203.978.971
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>1.241.209.216</i>	<i>13.442.093.216</i>
1. Tiền	111	V.01	1.241.209.216	13.442.093.216
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>4.160.560</i>	<i>3.496.800</i>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.095.000	9.095.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4.934.440)	(5.598.200)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>213.281.660.311</i>	<i>429.148.474.560</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	580.869.378.921	593.531.977.707
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03(a)	124.108.379	504.386.650
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05(a)	51.395.563.287	4.331.871.494
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.04(a)	(419.107.390.276)	(169.219.761.291)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	V.06	<i>12.809.991.093</i>	<i>13.374.286.799</i>
1. Hàng tồn kho	141		14.393.292.678	14.160.643.087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.583.301.585)	(786.356.288)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>4.448.068.045</i>	<i>4.235.627.596</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07(a)	90.840.782	149.683.145
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.357.227.263	4.085.944.451
B. Tài sản dài hạn	200		252.690.536.938	287.776.979.476
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>27.177.350.000</i>	<i>27.340.282.861</i>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03(b)	31.725.256.250	33.121.068.250
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.05(b)	19.850.000	182.782.861
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.04(b)	(4.567.756.250)	(5.963.568.250)
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>161.242.248.102</i>	<i>143.691.471.543</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	72.369.250.505	52.234.800.974
- Nguyên giá	222		222.113.203.248	189.166.486.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.743.952.743)	(136.931.685.699)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	88.872.997.597	91.456.670.569
- Nguyên giá	228		112.668.462.023	112.668.462.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.795.464.426)	(21.211.791.454)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>			
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>27.963.372.815</i>	<i>68.944.383.006</i>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	27.963.372.815	68.944.383.006
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	V.11	<i>13.420.000.000</i>	<i>13.420.000.000</i>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.420.000.000	13.420.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>22.887.566.021</i>	<i>34.380.842.066</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07(b)	22.887.566.021	34.380.842.066
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		484.475.626.163	747.980.958.447

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

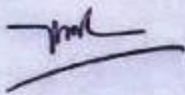
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016	01/10/2015
C. Nợ phải trả	300		1.455.064.794.185	1.302.598.916.070
I. Nợ ngắn hạn	310		1.451.658.054.579	1.299.389.492.464
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	339.485.277.131	345.726.525.821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	10.634.298.390	10.634.062.816
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	39.786.316.313	2.389.266.313
4. Phải trả người lao động	314		218.269.000	164.983.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	321.634.243.769	219.070.251.444
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	31.612.243.745	1.742.976.155
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.1	708.214.369.231	719.588.389.915
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		73.037.000	73.037.000
II. Nợ dài hạn	330		3.406.739.606	3.209.423.606
1. Phải trả dài hạn khác	337		197.316.000	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.2	3.209.423.606	3.209.423.606
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	(970.589.168.022)	(554.617.957.623)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(970.589.168.022)	(554.617.957.623)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		344.592.930.000	344.592.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		344.592.930.000	344.592.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		140.887.786.000	140.887.786.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(163.000.000)	(163.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.786.176.614	3.786.176.614
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.459.693.060.636)	(1.043.721.850.237)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.043.721.850.237)	(656.421.798.746)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(415.971.210.399)	(387.300.051.491)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		484.475.626.163	747.980.958.447

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Lê Thị Thu Bình
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Nghiệp
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 12 năm 2016

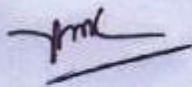
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ ngày 01/10/2014 đến 30/9/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	45.607.161.134	248.510.709.074
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.607.161.134	248.510.709.074
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	71.111.314.531	268.010.037.028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ / (lỗ)	20		(25.504.153.397)	(19.499.327.954)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.964.353.360	93.520.913
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	103.278.297.187	136.461.766.839
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		95.843.003.312	112.084.196.213
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	283.947.121	6.276.528.685
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	265.472.988.151	192.780.080.810
10. Lợi nhuận (thuần) từ hoạt động kinh doanh / (lỗ)	30		(392.575.032.496)	(354.924.183.375)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	100.039.739	3.398.836.566
12. Chi phí khác	32	VI.08	23.496.217.642	35.774.704.682
13. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		(23.396.177.903)	(32.375.868.116)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / (lỗ)	50		(415.971.210.399)	(387.300.051.491)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / (lỗ)	60		(415.971.210.399)	(387.300.051.491)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / (lỗ)	70	VI.09	(12.077)	(11.245)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu / (lỗ)	71	VI.10	(12.077)	(11.245)

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Lê Thị Thu Bình
 Người lập biểu





Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng

Trần Tuấn Nghiệp
 Tổng Giám đốc
 Ngày 19 tháng 12 năm 2016

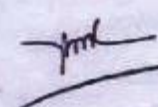
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

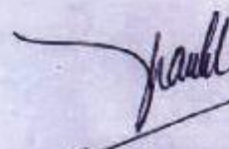
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/10/2015 đến 30/9/2016	Từ ngày 01/10/2014 đến 30/9/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(415.971.210.399)	(387.300.051.491)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	15.459.497.159	14.266.560.442
Các khoản dự phòng	03	249.288.098.522	134.734.399.887
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(305.084.293)	13.568.839.787
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(51.376.624)	(3.325.958.442)
Chi phí lãi vay	06	95.843.003.312	112.084.196.213
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(55.737.072.323)	(115.972.013.604)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(34.045.852.687)	69.195.887.967
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	9.298.530.518	183.890.443.050
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	67.996.895.487	(9.357.751.173)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	11.552.118.408	(30.810.908.094)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.848.439.715)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(935.380.597)	94.097.218.431
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(247.943.636)	(60.893.596.497)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	46.723.055	1.618.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.653.569	21.889.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(196.567.012)	(59.253.716.633)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.068.471.519)	(22.313.068.765)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	(1.472.535.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.068.471.519)	(24.285.604.665)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.200.419.128)	10.557.887.133
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.442.093.216	2.830.615.353
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(464.872)	53.590.730
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.241.209.216	13.442.093.216

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Lê Thị Thu Bình
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng





Trần Tuấn Nghiệp
 Tổng Giám đốc
 Ngày 19 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2001 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302290400 ngày 08/01/2016.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 344.592.930.000 đồng, được chia thành 34.459.293 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HLA kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2008 theo Quyết định số 114/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008.

Cổ phiếu Công ty đã hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM theo Quyết định số 02/SGDHCM-NY ngày 05/01/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 135/QĐ-SGDHN ngày 12/3/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Huu Lien Asia Corporation. Tên viết tắt: HLA CORP.

- Trụ sở chính đặt tại: KE A2/7 Tân Kiên - Bình Lợi, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất - xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Sản xuất sản phẩm cơ khí. Cán kéo kim loại. Mua bán nguyên vật liệu, vật liệu xây dựng. Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hoá, hàng trang trí nội thất. Đại lý ký gửi hàng hoá. Dịch vụ thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

6. Danh sách công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bù Bàng Đoàn, quận 7, Tp. HCM	Sản xuất	30,68%	30,68%

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/10, kết thúc vào ngày 30/9 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2016 (từ ngày 01/10/2015 đến 30/9/2016), Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	04 - 15 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị quản lý	04 - 10 năm
Tài sản cố định khác	05 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	38 - 50 năm (theo thời hạn thuê)
Phần mềm	15 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty cổ ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ, dụng cụ;

- Chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm;

- Các chi phí khác chờ phân bổ.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính...

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành. Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/9/2016	01/10/2015
Tiền mặt	498.264.387	11.050.761.032
Tiền gửi ngân hàng	(*) 742.944.829	2.391.332.184
Cộng	1.241.209.216	13.442.093.216

(*) Trong đó, bao gồm số dư các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 2,166.60 USD tương đương với 48.233.989 đồng và 165.25 EUR tương đương với 4.120.127 đồng.

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30/9/2016	01/10/2015
- Công ty TNHH MTV Thép Hưng Long	79.864.660.626	79.864.660.626
- Công ty TNHH MTV Thép Vĩnh Tiến	59.325.140.746	59.325.140.746
- Công ty TNHH SX TM DV Quảng Tiến	37.725.248.164	37.725.248.164
- Công ty TNHH Thép Việt Nga	17.135.027.236	17.135.027.236
- Công ty CP XD & KC Thép Trường Phú	9.997.303.146	11.058.787.146
- Phải thu các bên liên quan:		
+ Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	104.838.679.950	126.631.377.980
+ Công ty CP Minh Hữu Liên	167.255.609	705.440.128
- Phải thu các đối tượng khác	271.816.063.444	261.086.295.681
Cộng	(*) 580.869.378.921	593.531.977.707

(*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 43,747.60 USD tương đương 905.889.297 đồng, đang được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

3. Trả trước cho người bán	30/9/2016	01/10/2015
a) Ngắn hạn		
- Trả trước tiền mua hàng các bên liên quan		
+ Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	24.015.574	
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	100.092.805	504.386.650
Cộng	124.108.379	504.386.650

b) Dài hạn	30/9/2016	01/10/2015
- Trả trước đến các bên liên quan về việc nhận chuyển nhượng các Quyền sử dụng đất tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP.HCM (xem mục VII.5)		
+ Ông Trần Xảo Cơ	12.971.000.000	12.971.000.000
+ Ông Trần Tuấn Nghiệp	14.186.500.000	14.186.500.000
- Trả trước liên quan đến việc tư vấn và thiết kế dự án Khu phức hợp cao ốc Hữu Liên		
+ Công ty CP Tư vấn Đầu tư Phát triển Phú Điền		1.312.500.000
+ Công ty CP Kiến trúc sư Lợi Thế Lai và Cộng sự	4.367.756.250	4.367.756.250
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	200.000.000	283.312.000
Cộng	31.725.256.250	33.121.068.250

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nợ xấu	Đối tượng nợ	30/9/2016		01/10/2015	
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng - 1 năm	Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	-	-	42.166.623.811	-
	Công ty TNHH SX TM DV Quảng Tiến	-	-	37.725.248.164	-
	Công ty CP XD KC Thép Trường Phú - CN BD	-	-	11.058.787.146	-
	Công ty TNHH MTV Thép Vĩnh Tiến	-	-	59.325.140.746	-
	Các đối tượng khác	90.367.645	-	261.463.555.632	-
	- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm	Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	22.395.544.407	-	55.491.878.909
Công ty CP XD KC Thép Trường Phú - CN BD		9.997.303.146	-	-	-
Các đối tượng khác		58.395.679.170	-	3.996.041.387	-
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 2 - 3 năm		Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	55.491.878.909	-	-
	Công ty TNHH SX TM DV Quảng Tiến	37.725.248.164	-	-	-
	Công ty TNHH Thép Việt Nga	402.467.072	-	16.993.375.964	-
	Các đối tượng khác	206.353.682.420	-	1.902.255.520	-
	- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	CTY TNHH DINH LONG VN	1.825.119.841	-	1.825.119.841
Công ty TNHH Thép Việt Nga		16.693.375.964	-	-	-
Công ty TNHH XD DV TV XNK Lê Quang		427.291.893	-	427.291.893	-
Các đối tượng khác		4.429.133.954	-	4.429.133.954	-
- Công nợ phải thu (dự phòng 100% do đã giải thể, phá sản)		Công ty TNHH MTV Thép Hưng Lọng	79.864.660.626	-	-
	Công ty TNHH MTV Thép Vĩnh Tiến	59.325.140.746	-	-	-
	Bà Vũ Thị Hồng Cúc	1.140.000.000	-	-	-
	- Các khoản trả trước người bán quá hạn thanh toán trên 3 năm	Công ty CP Kiến Trúc Sư Lại Thế Duy và cộng sự	4.367.756.250	-	4.367.756.250
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phú Điền		-	-	1.312.500.000	-
Các đối tượng khác		200.000.000	-	283.312.000	-
Cộng		559.124.650.207	-	502.768.021.217	-

a) **Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:**

Số dư đầu năm (01/10/2015)	(169.219.761.291)
Trích lập dự phòng	(249.887.628.985)
Hoàn nhập dự phòng	-
Số dư cuối năm (30/9/2016)	<u>(419.107.390.276)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Biến động dự phòng phải thu dài hạn khó đòi:	
Số dư đầu năm (01/10/2015)	(5.963.568.250)
Trích lập dự phòng	-
Hoàn nhập dự phòng	1.395.812.000
Số dư cuối năm (30/9/2016)	<u>(4.567.756.250)</u>

5. Phải thu khác	30/9/2016	01/10/2015
a) Ngắn hạn		
- Tạm ứng nhân viên		
+ Ông Trần Tuấn Nghiệp	12.521.563.287	2.300.000.000
+ Các cá nhân khác	336.500.000	866.581.930
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	8.264.520
- Phải thu Bà Vũ Thị Hồng Cúc liên quan đến khoản đặt cọc tiền thuê mặt bằng	1.140.000.000	1.140.000.000
- Khoản thuế Giá trị gia tăng đầu vào (chưa kê khai) liên quan đến khoản thuế giá trị gia tăng phải nộp từ các tờ khai nhập khẩu nguyên phụ liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, nhưng không thực xuất khẩu	37.397.500.000	-
- Các khoản phải thu khác	-	17.025.044
Cộng	<u>51.395.563.287</u>	<u>4.331.871.494</u>
b) Dài hạn		
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	30/9/2016	01/10/2015
	<u>19.850.000</u>	<u>182.782.861</u>

6. Hàng tồn kho	30/9/2016		01/10/2015	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	6.799.350.790	(998.620.632)	7.558.666.358	-
- Công cụ, dụng cụ	3.454.458.980	-	921.355.683	-
- Thành phẩm	4.139.482.908	(584.680.953)	5.593.459.691	(786.356.288)
- Hàng hóa	-	-	87.161.355	-
Cộng	<u>14.393.292.678</u>	<u>(1.583.301.585)</u>	<u>14.160.643.087</u>	<u>(786.356.288)</u>

- Giá trị hàng tồn kho đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Số dư đầu năm (01/10/2015)	(786.356.288)
Trích lập dự phòng	(1.032.401.777)
Hoàn nhập dự phòng	235.456.480
Số dư cuối năm (30/9/2016)	<u>(1.583.301.585)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí trả trước	30/9/2016	01/10/2015
a) Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	15.529.166	106.014.537
- Chi phí bảo hiểm trả trước	1.197.000	21.682.349
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	57.423.902	-
- Chi phí khác chờ phân bổ	16.690.714	21.986.259
Cộng	90.840.782	149.683.145
b) Dài hạn	30/9/2016	01/10/2015
- Chi phí công cụ, dụng cụ	610.778.971	5.310.940.253
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	22.041.075.611	29.066.243.758
- Chi phí chờ phân bổ khác	235.711.439	3.658.055
Cộng	22.887.566.021	34.380.842.066

8. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm (01/10/2015)	111.144.145.330	1.524.316.693	112.668.462.023
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm (30/9/2016)	(*) 111.144.145.330	1.524.316.693	112.668.462.023
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	20.734.133.786	477.657.668	21.211.791.454
Tăng	2.482.051.860	101.621.112	2.583.672.972
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm (30/9/2016)	23.216.185.646	579.278.780	23.795.464.426
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	90.410.011.544	1.046.659.025	91.456.670.569
Số dư cuối năm (30/9/2016)	87.927.959.684	945.037.913	88.872.997.597

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm 10 quyền sử dụng có thời hạn tại quận Bình Tân và quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh (thời hạn sử dụng: đến năm 2049, và đến năm 2055). Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất này được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/9/2016	01/10/2015
Chi phí dự án của khu phức hợp cao ốc Hữu Liên	(*) 27.963.372.815	26.452.009.179
Chi phí xây dựng khác	-	42.492.373.827
Cộng	27.963.372.815	68.944.383.006

(*) Bao gồm chi phí đền bù, giải toà tại phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh là 8.887.374.409 đồng và các chi phí khác liên quan đến dự án là 19.075.998.406 đồng (trong đó, chi phí không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp là 17.550.000.000 đồng). Dự án đang được tạm ngưng thực hiện do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tạm ngưng đầu tư vào lĩnh vực bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Số dư đầu năm (01/10/2015)	52.218.933.973	122.800.483.068	10.595.804.359	2.740.500.273	810.765.000	189.166.486.673
Tăng	-	33.010.273.718	-	-	-	33.010.273.718
Giảm	-	63.557.143	-	-	-	63.557.143
Số dư cuối năm (30/9/2016)	52.218.933.973	155.747.199.643	10.595.804.359	2.740.500.273	810.765.000	222.113.203.248
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	18.862.410.278	105.055.302.682	9.939.672.289	2.444.655.159	629.645.291	136.931.685.699
Tăng	3.073.443.731	9.345.841.426	227.188.575	167.731.157	61.619.298	12.875.824.187
Giảm	-	63.557.143	-	-	-	63.557.143
Số dư cuối năm (30/9/2016)	21.935.854.009	114.337.986.965	10.166.860.864	2.612.386.316	691.264.589	149.743.952.743
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	33.356.523.695	17.745.180.386	656.132.070	295.845.114	181.119.709	52.234.800.974
Số dư cuối năm (30/9/2016)	30.283.079.964	41.409.612.678	428.943.495	128.113.957	119.500.411	72.369.250.505

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới (417.632.100 đồng) và chi phí đúc khuôn mẫu hoàn thành (32.592.641.618 đồng); Giảm do thanh lý.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 89.023.328.922 đồng.

Tại ngày 30/9/2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.249.927.625 đồng là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và dụng cụ quản lý, cũng như toàn bộ tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc đang được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 30/9/2016, nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng là 12.684.474.030 đồng và giá trị còn lại là 4.942.999.022 đồng.

Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình cho Công ty TNHH MTV Thế Hữu Liên mượn đến ngày 30/9/2016 là 7.252.056.954 đồng và giá trị còn lại là 4.345.559.671 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/9/2016			01/10/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	13.420.000.000	13.420.000.000	-	13.420.000.000	13.420.000.000	-
Cộng	13.420.000.000	13.420.000.000	-	13.420.000.000	13.420.000.000	-

(*) Bao gồm:	Số lượng	Mệnh	Đơn giá	Tỷ lệ	Giá trị đầu tư	Giá trị dự
	cổ phần	giá	tồn	sở hữu		phòng tại ngày

Công ty đã niêm yết

- Công ty CP Minh Hữu Liên	1.529.880	10.000	8.772	30,91%	13.420.000.000	-
----------------------------	-----------	--------	-------	--------	----------------	---

Trong năm tài chính này, Công ty đã nhận được cổ tức được chia bằng cổ phiếu với số lượng là 139.080 cổ phiếu.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/9/2016		01/10/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
- Công ty CP Bamboo Capital	1.050.000.000	1.050.000.000	600.000.000	600.000.000
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	17.309.432.764	17.309.432.764	18.624.732.477	18.624.732.477
- Daewoo International Corporation	143.341.292.300	143.341.292.300	144.079.337.907	144.079.337.907
- Hitech Steel Enterprise Ltd	120.311.522.815	120.311.522.815	120.930.991.143	120.930.991.143
- Ningbo Ningshing International inc	21.020.347.606	21.020.347.606	21.128.578.632	21.128.578.632
- Zhejiang Materials Industry Internation co., Ltd	34.485.030.721	34.485.030.721	34.662.589.644	34.662.589.644
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty CP Minh Hữu Liên	600.000.000	600.000.000	748.002	748.002
			595.398.952	595.398.952
- Các đối tượng khác	1.367.650.925	1.367.650.925	5.104.149.064	5.104.149.064
Cộng	(**) 339.485.277.131	339.485.277.131	345.726.525.821	345.726.525.821

(**) Thể hiện sự quyết tâm của Công ty đối với nghĩa vụ thanh toán của mình.

(**) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 14,289,598.99 USD tương đương 319.158.193.442 đồng.

13. Người mua trả tiền trước

	01/10/2015	30/9/2016
- Long Teng Group Limited (499,765.00 USD)	10.409.114.420	10.409.114.420
- Các đối tượng khác trả trước	(*) 225.183.970	224.948.396
Cộng	10.634.298.390	10.634.062.816

(*) Trong đó, bao gồm các khoản người mua trả tiền trước có gốc ngoại tệ là 3,850.46 USD tương đương 80.978.511 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	01/10/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/9/2016
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	38.085.134.739	687.634.739	37.397.500.000
- Thuế nhập khẩu	2.388.816.313	-	-	2.388.816.313
- Thuế TNCN	450.000	109.731.709	110.181.709	-
- Thuế khác	-	4.928.920	4.928.920	-
Cộng	2.389.266.313	38.199.795.368	802.745.368	39.786.316.313

(*) Thuế Giá trị gia tăng phải nộp liên quan đến các tờ khai nhập khẩu nguyên phụ liệu để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không thực xuất khẩu theo Quyết định số 677/QĐ-HQHCM/ÁĐT-STQ ngày 21/6/2016.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	01/10/2015	30/9/2016
- Chi phí lãi vay còn phải trả	299.623.826.560	203.780.823.248
- Chi phí lương tháng 13 còn phải trả	287.019.266	282.279.395
- Lãi chậm thanh toán	21.707.143.843	14.271.226.165
- Chi phí khác còn phải trả	16.254.100	735.922.636
Cộng	321.634.243.769	219.070.251.444

16. Phải trả ngắn hạn khác

	01/10/2015	30/9/2016
- Kinh phí công đoàn	15.673.360	109.359.000
- Bảo hiểm bắt buộc	276.399.841	408.853.220
- Lãi chậm nộp thuế	21.815.007.865	1.170.042.230
- Khoản tiền mượn không lãi suất từ Ông Trần Xảo Cơ (Bên liên quan)	9.500.000.000	-
- Các khoản phải trả khác	5.162.679	54.721.705
Cộng	31.612.243.745	1.742.976.155

17. Vay và nợ thuê tài chính

17.1. Vay ngắn hạn

	01/10/2015	Tăng	Giảm	30/9/2016
a) - NH Malayan Banking BerHad	25.405.745.892	-	-	25.405.745.892
b) - NH TMCP Nam Việt	192.069.771.320	-	22.482.500	192.047.288.820
c) - NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	256.114.126.626	-	1.856.205.184	254.257.921.442
d) - NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam	181.998.046.751	-	9.495.333.000	172.502.713.751
e) - NH First Commercial Bank	64.000.699.326	-	-	64.000.699.326
Cộng	719.588.389.915	-	11.374.020.684	708.214.369.231

17.2. Vay dài hạn

	01/10/2015	Tăng	Giảm	30/9/2016
f) - NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.209.423.606	-	-	3.209.423.606
Cộng	3.209.423.606	-	-	3.209.423.606

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(a) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Hồ Chí Minh theo thư đề nghị vay vốn số MBB/HCMC/LO/2010/HLA/09 ngày 09/5/2011 với hạn mức là 2,500,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 180 ngày; lãi suất vay tại ngày 30/9/2016: 13%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2016 là 25.405.745.892 đồng. Khoản nợ này đã quá hạn.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 019/11/HĐHM/101-51 ngày 10/8/2011 và phụ lục bổ sung số 003/PL ngày 03/11/2012 với tổng hạn mức là 200 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ (thông thường là 12 tháng); lãi suất vay tại ngày 30/9/2016: vay bằng VND là 13,5%/năm đến 14%/năm, vay bằng USD là 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh phát sinh/hình thành trước, trong hoặc sau ngày ký hợp đồng đảm bảo có giá trị tối thiểu là 180 tỷ đồng, 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh; và 01 quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2016 là 192.047.288.820 đồng, bao gồm 187.680.796.320 đồng và 195.500.00 USD tương đương 4.366.492.500 đồng. Khoản nợ này đã quá hạn.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1318500059 ngày 17/7/2013 với tổng hạn mức là 750 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2016: vay bằng VND là 10,5%/năm, vay bằng USD là 4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; 05 quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh và 03 bất động sản thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2016 là 254.257.921.442 đồng, bao gồm 199.249.309.242 đồng và 2.462.888.39 USD tương đương 55.008.612.200 đồng. Khoản nợ này đã quá hạn.

(d) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/72489 ngày 16/5/2013 và phụ lục số 01/2013/PLHĐ02/72489 ngày 30/8/2013 với tổng hạn mức là 260 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2016: 8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị định giá là 51.104.950.276 đồng (giá trị còn lại tại ngày 30/9/2016 là 9.249.927.631 đồng), quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bên thứ ba, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2016 là 172.502.713.751 đồng. Các khoản nợ này được gia hạn 84 tháng kể từ ngày 01/10/2014 theo Công văn số 0475/CV-KHDN ngày 11/6/2014 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM.

(e) Khoản vay Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số TRTD-H102/143 ngày 22/8/2013 và phụ lục bổ sung số ReSL-H102/143-1 ngày 26/02/2014 với tổng hạn mức là 4,000,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 180 ngày; lãi suất vay tại ngày 30/9/2016: 9%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2016 là 64.000.699.326 đồng. Khoản nợ này đã quá hạn.

(f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 11232 ngày 10/11/2006 với số tiền vay là 10.175.513.200 đồng; mục đích vay: xây dựng nhà xưởng; thời hạn vay: 120 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2016: 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2016 là 3.209.423.606 đồng, và được gia hạn trả hết nợ đến ngày 10/11/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/10/2014	Tăng	Giảm	30/9/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	344.592.930.000	-	-	344.592.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	140.887.786.000	-	-	140.887.786.000
Cổ phiếu quỹ	(163.000.000)	-	-	(163.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	1.446.176.614	-	-	1.446.176.614
Quỹ dự phòng tài chính	2.340.000.000	-	-	2.340.000.000
LNST chưa phân phối	(656.421.798.746)	(387.300.051.491)	-	(1.043.721.850.237)
Cộng	(167.317.906.132)	(387.300.051.491)	-	(554.617.957.623)

	01/10/2015	Tăng	Giảm	30/9/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	344.592.930.000	-	-	344.592.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	140.887.786.000	-	-	140.887.786.000
Cổ phiếu quỹ	(163.000.000)	-	-	(163.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển (*)	3.786.176.614	-	-	3.786.176.614
LNST chưa phân phối	(1.043.721.850.237)	(415.971.210.399)	-	(1.459.693.060.636)
Cộng	(554.617.957.623)	(415.971.210.399)	-	(970.589.168.022)

(*) Quỹ đầu tư phát triển đầu năm đã được trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (1.446.176.614 đồng) và Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang (2.340.000.000 đồng).

b) Cổ phiếu

	30/9/2016	01/10/2015
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	67.200.000	67.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.459.293	34.459.293
+ Cổ phiếu phổ thông	34.459.293	34.459.293
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(16.300)	(16.300)
+ Cổ phiếu phổ thông	(16.300)	(16.300)
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.442.993	34.442.993
+ Cổ phiếu phổ thông	34.442.993	34.442.993
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

Ngoại tệ các loại:

	30/9/2016	01/10/2015
- Nợ khó đòi đã xử lý	83.812.000	-
- USD	2.166,60	59.389,09
- EUR	165,25	176,17

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/10/2015 đến 30/9/2016 (năm nay)	Từ ngày 01/10/2014 ngày 30/9/2015 (năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hoá	565.811.766	41.739.102.872
- Doanh thu bán thành phẩm	34.393.987.495	193.267.668.189
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.647.361.873	13.503.938.013
Cộng	45.607.161.134	248.510.709.074
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Giá vốn hàng hoá đã bán	560.041.731	60.710.606.876
- Giá vốn thành phẩm đã bán	55.220.395.097	214.810.167.955
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	14.533.932.406	13.556.756.562
- Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	796.945.297	(21.067.494.365)
Cộng	71.111.314.531	268.010.037.028
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền ký quỹ	4.653.569	21.869.864
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.959.682.144	71.642.478
- Doanh thu tài chính khác	17.647	8.571
Cộng	1.964.353.360	93.520.913
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	95.843.003.312	112.084.196.213
- Lãi chậm thanh toán	7.435.917.678	8.050.365.203
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(663.760)	(4.879.417.000)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	21.206.589.504
- Chi phí tài chính khác	39.957	32.919
Cộng	103.278.297.187	136.461.766.839
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	251.935.014	219.250.837
- Chi phí vận chuyển	3.995.450	1.308.377.544
- Chi phí bằng tiền khác	28.016.657	4.748.900.304
Cộng	283.947.121	6.276.528.685

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	5.179.296.451	5.923.044.061
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.334.316.437	3.382.458.588
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	248.491.816.985	160.681.311.252
- Chi phí trợ cấp thôi việc	902.645.000	1.104.540.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	636.870.614	2.428.796.171
- Chi phí sửa chữa	252.448.050	2.373.776.598
- Chi phí tiếp khách, thuê mặt bằng và tiền điện thoại	3.989.995.352	5.308.481.249
- Chi phí bằng tiền khác	2.685.599.262	11.577.672.891
Cộng	265.472.988.151	192.780.080.810
7. Thu nhập khác		
- Thu do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	46.723.055	1.618.000.000
- Thu do nhượng bán công cụ, phế liệu	49.149.640	29.090.909
- Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản thuế tài chính đã hoàn trả với nợ thuế tài chính còn phải trả	-	1.748.860.170
- Thu nhập khác	4.167.044	2.885.487
Cộng	100.039.739	3.398.836.566
8. Chi phí khác		
- Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	62.771.592
- Lãi chậm nộp BHXH	244.788.181	26.164.434
- Lãi chậm nộp thuế	20.648.786.776	435.958.977
- Khoản tổn thất liên quan đến quyền sử dụng đất tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP.HCM	-	19.000.000.000
- Chi phí vận chuyển, lưu kho, hỗ trợ khách hàng ... của những năm trước chưa ghi nhận	-	16.249.809.679
- Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	1.875.897.239	-
- Chi phí sửa chữa	726.417.000	-
- Chi phí khác	328.446	-
Cộng	23.496.217.642	35.774.704.682
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (lỗ)		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lỗ)	(415.971.210.399)	(387.300.051.491)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (lỗ)	(415.971.210.399)	(387.300.051.491)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	34.442.993	34.442.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (lỗ)	(12.077)	(11.245)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (lỗ)	(415.971.210.399)	(387.300.051.491)
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(415.971.210.399)	(387.300.051.491)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.442.993	34.442.993
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	34.442.993	34.442.993
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(12.077)	(11.245)
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.406.518.078	175.799.648.954
- Chi phí nhân công	6.253.499.503	14.290.187.954
- Chi phí khấu hao	13.583.599.920	14.266.560.442
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.946.285.721	10.779.682.633
- Chi phí khác	267.959.416.135	28.292.361.653
Cộng	328.149.319.357	243.428.441.636

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Cùng chủ sở hữu	Bán hàng hóa, thành phẩm	32.697.461.040
		Cung cấp dịch vụ	1.240.445.327
		Mua hàng hóa, nguyên liệu	(3.863.611.899)
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	223.399.862
		Cung cấp dịch vụ	8.234.301.124
		Mua hàng hóa, nguyên liệu	(9.350.544.224)
Ban Giám đốc		Thu nhập	(886.704.000)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Cùng chủ sở hữu	Phải thu khách hàng	104.838.679.950
		Trả trước người bán	24.015.574
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	167.255.609
		Phải trả người bán	(600.000.000)
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	12.521.563.287
		Trả trước người bán	14.186.500.000
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch HĐQT	Trả trước người bán	12.971.000.000
		Phải trả khác	(9.500.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Công văn số 0104-2014 ngày 04/4/2014 của Công ty gửi UBND Quận Bình Tân, Công ty xin tạm ngưng việc thực hiện dự án khu phức hợp cao ốc Hữu Liên. Các khoản chi mà Công ty đã thực hiện cho dự án này đang được trình bày tại mục 3(b) (với số tiền là 4.367.756.250 đồng) và mục 9* (với số tiền là 27.963.372.815 đồng) - phần V - Thuyết minh báo cáo tài chính. Việc tất toán các khoản chi và xác định là chi phí đang được Công ty xem xét và xử lý.

Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đang tiến hành quyết toán thuế Công ty cho hai năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2014 và 30/9/2015 theo thông báo số

Ngoài những sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm tại ngày 01/10/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Các cam kết khác

- Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/7/2008 giữa Công ty và Ông Trần Xảo Cơ thì Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 57, phường Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM, diện tích là 1.526 m² với giá chuyển nhượng là 12.971.000.000 đồng. Đến ngày 30/9/2016, Công ty đã thanh toán đầy đủ số tiền trên và quyền sử dụng đất này chưa hoàn tất thủ tục đăng ký. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

- Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/08/2008 giữa Công ty và Ông Trần Tuấn Nghiệp thì Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 523, tờ bản đồ số 57-TL2005, phường Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM, diện tích là 1.669 m² với giá chuyển nhượng là 14.186.500.000 đồng. Đến ngày 30/9/2016, Công ty đã thanh toán đầy đủ số tiền trên và quyền sử dụng đất này chưa hoàn tất thủ tục đăng ký. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

5. Cam kết hoạt động liên tục

Tính đến 30/9/2016, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty bị âm 970.589.168.022 đồng, và nợ phải trả đã vượt quá tổng tài sản với cùng số tiền 970.589.168.022 đồng. Công ty cam kết sẽ có những giải pháp vốn cũng như sẽ tìm các nguồn vốn hợp lý để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của mình.

6. Thông tin khác

Toàn bộ số lượng cổ phiếu của Công ty (34.459.293 cổ phiếu) đã bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM từ ngày 26/5/2016 theo thông báo số 510/TB-SGDHN ngày 19/5/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Theo Thông báo số 742/TB-CNTT ngày 29/12/2014, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank") đã thực hiện bán khoản nợ được đảm bảo bằng bất động sản của Công ty tại Sacombank (bao gồm toàn bộ giá trị nợ gốc, nợ lãi kể cả lãi phạt và các chi phí liên quan đến khoản nợ nêu trên) đến Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào quá trình sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ tại một môi trường kinh tế.



Lê Thị Thu Bình
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nghiệp
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 12 năm 2016



HỮU LIÊN Á CHÂU
友聯亞洲

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
HUU LIEN ASIA CORPORATION
友聯亞洲鋼鐵股份有限公司

XE A2/7 Đường Tân Kiên - Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM - Tel: 84.8 3877 0062 - 3877 0755 -